

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Tiến Dũng và ông Vũ Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và QĐ hoãn phiên tòa đối với bị cáo:

Vũ Trung T - sinh năm 1994 tại xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Khu F, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Trần Thị H1; Có vợ (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/7/2023 đến ngày 27/7/2023 bị áp dụng biện pháp tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1950. (Đã chết)

- Anh Trần Nhật A, sinh năm 2002. (Đã chết)

Người đại diện theo pháp luật của ông Nguyễn Hữu T1:

Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1951 (là vợ của ông T1). Địa chỉ: Tổ E, Khu B, Phường C, Thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Anh T3, sinh năm 1976 (là con ông T1). Địa chỉ: Tổ E, Khu B,

Phường C, Thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1982 (là con ông T1). Địa chỉ: Tổ A, Khu B, Phường C, Thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Tuấn T5, sinh năm 1984 (là con ông T1). Địa chỉ: Tổ E, Khu B, Phường C, Thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1978 (là con của ông T1).

Địa chỉ: Tổ D, khu F, phường C, TP ., tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, anh T3, anh T4, anh T5: Anh Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ D, khu F, phường C, TP ., tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Nhật A:

Ông Trần Thái B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1976 (là bố mẹ đẻ của anh Trần Nhật A). Địa chỉ: Tổ D, Khu G, phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà Q: Ông Trần Xuân T7, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ A, khu B, phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn dân sự: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ E N, phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh.

Là chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn K.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn M, sinh năm 1979.
- Anh Trần Minh D, sinh năm 1997.
- Chị Vũ Huyền T8, sinh năm 1997.
- Anh Hoàng Tiến T9, sinh năm 1971.
- Anh Đỗ Văn T10, sinh năm 1980.
- Ông Vũ Văn H, sinh năm 1962.

Ông H có mặt, người làm chứng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trung T có giấy phép lái xe ô tô hạng D do Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 21/01/2019, có giá trị đến ngày 21/01/2024. Ngày 02/3/2023, T ký hợp đồng lao động lái xe ô tô chở khách thuê cho anh Nguyễn Văn K sinh năm 1989, ở Tổ E N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Anh K giao xe ô tô khách (loại 10 chỗ) BKS 14F - 005.55 cho T lái để chuyên chở khách chạy tuyến C - Hà Nội và

ngược lại.

Khoảng 14 giờ ngày 21/7/2023, T điều khiển xe ô tô trên chở 8 hành khách (gồm: chị Vũ Thị Huyền T11 - sinh năm 1997, trú tại Tổ G, khu F, phường C, thành phố C, là em gái T; anh Trần Minh D - sinh năm 1997, trú tại Khu D, phường C, thành phố C; ông Nguyễn Hữu T1 - sinh năm 1950, trú tại Tổ E, khu B, phường C, thành phố C; anh Trần Nhật A - sinh năm 2002, trú tại Tổ D, khu G, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và 4 người khách khác không xác định được nhân thân, lai lịch) đi từ thành phố Hà Nội hành trình trên đường cao tốc (Quốc lộ E) hướng Hà Nội - Hải Phòng để về tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn Km 34 + 700 thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, T điều khiển xe đi phía sau một ô tô khách ở làn đường số 2 và điều khiển xe chuyển sang làn đường số 1 giáp dải phân cách giữa. Do khoảng cách giữa xe ô tô BKS 14F - 005.55 và xe ô tô khách đi liền trước quá gần (khoảng 15 mét), che khuất tầm nhìn, nên khi xe chuyển sang làn số 1, T mới phát hiện có xe làm sạch đường (quét, hút) BKS 29C - 865.00 (của Xí nghiệp X, có địa chỉ tại K + C đường P, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng) do anh Phạm Văn M - sinh năm 1979, trú tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương điều khiển đi phía trước cùng chiều (trên làn 1 giáp dải phân cách giữa) đang làm nhiệm vụ vệ sinh mặt đường, có bật đầy đủ tín hiệu đèn cảnh báo an toàn ở khoảng cách gần cách xe của T khoảng 30 m. T vội đánh lái sang bên phải để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên toàn bộ phần đầu và sườn xe bên trái xe ô tô do T điều khiển đã đâm vào phía sau bên phải xe ô tô làm sạch đường. Sau khi đâm vào xe của anh M, T điều khiển dừng ở làn đường khẩn cấp Quốc lộ E. Hậu quả làm ông T1, anh Nhật A chết tại hiện trường, xe ô tô BKS 14F - 005.55 bị hư hỏng.

Khám nghiệm hiện trường tại nơi xảy ra tai nạn, xác định: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn Km34 + 700, đường C - Hải Phòng, chiều Hà Nội đi Hải Phòng, mặt đường trải bê tông nhựa phẳng, rộng 14,5 m, được chia thành 4 làn đường. Bên trái là dải phân cách bê tông, bên phải là hàng rào tôn lượn sóng. Từ trái qua phải, dải phân cách bê tông cách vạch đơn nét liền làn 1 là 0,75 m. Làn 1, 2, 3 phân chia nhau bằng vạch đơn, nét đứt màu trắng, mỗi làn đều rộng 3,8 m. Làn 3, 4 phân chia bằng vạch đơn, nét liền màu trắng. Làn 4 rộng 3 m là làn dừng khẩn cấp. Hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu đầy đủ. Lấy mép đường bên phải làm chuẩn, điểm mốc là biển H7/34 (Km 34 +700) ghim trên hàng rào tôn lượn sóng. Cách mốc về hướng Hải Phòng 15,5m là đầu vùng mảnh vụn kính, nhựa vỡ KT (38 x 1,8) m trải dài trên đường chiều Hà Nội - Hải Phòng từ làn 1 đến sát dải phân cách bê tông, đầu vùng mảnh vụn cách chuẩn là 13,3 m. Cách đầu vùng mảnh vụn về hướng Hải Phòng 85,5m, trên làn 4 là tâm bánh sau cùng bên trái xe ô tô BKS 29C - 865.00 đỗ xuôi theo chiều đường, bánh trước và bánh sau bên phải cách chuẩn đều là 0,2 m.

Trên mặt đường tại chỗ đối diện với góc thùng phía sau bên phải xe ô tô BKS 29C - 865.00 có vùng mảnh vụn kính vỡ KT (1,8 x 1,3) m rải rác đến sát chuẩn, tâm vùng này cách tâm bánh sau cùng bên phải là 1,9 m.

Cách tâm bánh trước bên trái xe ô tô BKS 29C - 865.00 về hướng Hải Phòng 112,8m trên làn 4 là tâm bánh sau bên trái xe ô tô khách BKS 14F - 005.55 đỗ xuôi theo chiều đường, bánh trước và bánh sau bên phải cách chuẩn đều là 1m; bên trong xe ô tô BKS 14F - 005.55, tại ghế ngồi bên trái hàng ghế thứ 3 sát cạnh bên trái có tử thi ông Nguyễn Hữu T1, tư thế ngồi gục tại chỗ để chân; tại hàng ghế thứ 4 sát cạnh bên trái có tử thi anh Trần Nhật A, tư thế ngồi gục trên ghế ngã xuống chỗ để chân; đối diện cánh cửa bậc lên xuống bên phải xuống mặt đường đến sát chuẩn để lại vùng máu loang KT (1,2 x 1,2) m.

Khám xe ô tô BKS 14F - 005.55 liên quan đến tai nạn, xác định: Toàn bộ sườn xe bên trái để lại dấu vết va chạm theo chiều trước lại sau kéo dài từ tai xe đến cốp phía sau làm bẹp lõm, trượt xước, rách, bong tróc sơn, vỡ hoàn toàn kính chắn gió cánh cửa vị trí người lái và hàng kính chắn gió bên trái trên diện (5,5 x 1,6) m; Kính chắn gió phía trước bị vỡ, rạn diện (1 x 0,8) m, từ sát mép bên trái vào giữa kính; Tại hàng ghế thứ nhất và hàng ghế thứ 2 từ phía sau lên, trên ghế và sàn xe để lại vùng máu loang diện (1,6 x 1,6) m; Cánh cửa cốp bên trái bị vỡ hoàn toàn kính chắn gió diện (0,66 x 0,62) m, cạnh bên trái bị cong gập kim loại diện (0,8 x 0,2) m, bị bật đẩy về phía sau rời khỏi vị trí ban đầu; Toàn bộ cụm đèn phía sau bên trái bị vỡ hoàn toàn; Nhựa ốp trang trí ở cánh cửa cốp phía sau bên trái bị vỡ đập một phần rời khỏi xe.

Khám xe ô tô BKS 29C - 865.00 liên quan đến tai nạn, xác định: Góc dưới phía sau bên phải thành thùng của xe để lại vết va đập làm xước kim loại, bong tróc sơn, rách vỡ về cao su, bờ thành thùng xe còn bám lại các mảnh vụn kính vỡ KT (0,6 x 1) m; T bảo vệ cụm đèn phía sau bên phải để lại vết va đập làm cong gập kim loại, xước kim loại KT (0,3 x 0,3) m, thành phía trên để lại nhiều mảnh vụn kính vỡ; Tại góc phía sau, mặt ngoài chắn bùn hàng bánh sau bên phải để lại vết va chạm làm bẹp lõm, xước kim loại KT (0,6 x 0,1) m, mặt phía trên còn rải rác nhiều mảnh vụn kính vỡ.

Kết quả xét nghiệm phát hiện ma túy trong nước tiểu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B lập ngày 21/7/2023 xác định: T dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Tại Kết luận giám định số 5497/KL-KTHS ngày 03/8/2023 đã kết luận: Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu ghi thu của Vũ Trung T gửi đến giám định.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 252 và 253 ngày 25/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Ông Nguyễn Hữu T1 chết do đa chấn thương (chấn thương sọ não hở, chấn thương ngực kín, gãy xương cánh tay trái); anh Trần Nhật A chết do chấn thương sọ não hở (vỡ xương hộp sọ phức tạp, thoát não).

Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện B kết luận: xe ô tô BKS 14F - 005.55 bị hư hỏng, thiệt hại 91.400.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây tai nạn, bị cáo Vũ Trung T đã tác động

gia đình bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Hữu T1 35.000.000 đồng (gồm chi phí mai táng, tổn thất tinh thần và các khoản chi phí hợp lý khác) và bồi thường cho gia đình anh Nhật A số tiền 5.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T6 - con trai ông T1 là đại diện theo ủy quyền của gia đình đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông Trần Xuân T7 - sinh năm 1976, trú tại Tổ A khu B, phường H, thành phố H (chú ruột anh Nhật A) là đại diện theo ủy quyền của gia đình ban đầu yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tổng số tiền là 311.700.000 đồng, gồm tiền mai táng phí và tổn thất tinh thần, trừ số tiền 6.000.000 đồng bị cáo và gia đình đã phúng viếng, còn phải bồi thường 306.700.000 đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa đã thay đổi yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường mà yêu cầu ông Nguyễn Văn K là chủ xe ô tô phải bồi thường các khoản như sau:

Tiền mai táng phí: 132.700.000 đồng.

Tiền đền bù tổn thất về tinh thần với mức cao nhất (100 tháng lương cơ bản) = 180.000.000 đồng.

Tiền chi phí nuôi dưỡng anh Trần Nhật A trong 22 năm = 528.000.000 đồng

Tổng cộng các khoản phải bồi thường: 840.700.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền đã phúng viếng: 6.000.000 đồng, còn phải bồi thường 834.700.000 đồng.

Đối với xe ô tô BKS 29C - 865.00 của Xí nghiệp X bị hư hỏng nhẹ, xí nghiệp tự khắc phục được, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; Anh Nguyễn Văn K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo điểm b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thay đổi quyết định truy tố của bản Cáo trạng theo đó, rút đề nghị truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vũ Trung T, phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 45 đến 51 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 260 BLHS, đề nghị Cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo trong thời hạn 04 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 02 ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi

thường thiệt hại ngoài hợp đồng buộc anh Nguyễn Văn K phải bồi thường gia đình anh Nhật A tổng số 159.810.000đ tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, trừ số tiền 6.000.000 đồng anh K và bị cáo đã phung viếng, còn phải bồi thường 153.810.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Quản lý giấy phép lái xe đã hết hạn của bị cáo trong hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và anh K chịu án phí DSST theo quy định.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận: thực hiện hành vi vi phạm quy định về tham giao thông đường bộ như nêu trên, nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện cho bị hại ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người đại diện cho bị hại anh Trần Nhật A trình bày:

Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về xác định tội danh, tuy nhiên, không nhất trí với việc Kiểm sát viên thay đổi quyết định truy tố, đề nghị HĐXX vẫn xác định bị cáo phạm tội theo điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và xử lý nghiêm bị cáo với mức hình phạt tù từ 5 năm trở lên.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu bị cáo bồi thường mà yêu cầu anh Nguyễn Văn K phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông B và bà Q (bố mẹ của anh Trần Nhật A) số tiền 840.700.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền đã phung viếng: 6.000.000 đồng, còn phải bồi thường 834.700.000 đồng.

Yêu cầu kê biên tài sản chiếc xe ô tô BKS 14F - 005.55 của anh Nguyễn Văn K để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn dân sự trình (anh Nguyễn Văn K) bày ý kiến:

Không chấp nhận việc đại diện bị hại yêu cầu anh K phải bồi thường, trách nhiệm bồi thường thuộc hoàn toàn về bị cáo vì giữa anh K (chủ hộ kinh doanh vận tải Nguyễn Văn K) đã có hợp đồng lao động trong đó anh K giao xe cho bị cáo lái và có thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thuộc về lái xe gây thiệt hại.

Tại cơ quan điều tra:

Người làm chứng là anh Trần Minh D khai: Ngày 21/7/2023, anh D ngồi trên xe do bị cáo T điều khiển và chứng kiến sự việc xe của bị cáo điều khiển đi rất gần xe của anh Phạm Văn M, bị cáo lái xe để tránh nhưng không kịp, gây ra tai nạn, khiến anh Nhật A và ông T1 tử vong.

Chị Vũ Huyền T11 khai: Ngày 21/7/2023, chị ngồi trên xe do bị cáo T điều khiển và ngủ, rồi giật mình tỉnh giấc vì tiếng va chạm và sau đó nhận ra xe bị cáo và xe của anh Phạm Văn M va chạm với nhau, hậu quả khiến anh Nhật A và ông T1 chết.

Anh Phạm Văn M khai: Chứng kiến việc xe của bị cáo va chạm vào xe của anh, lúc đó đang làm nhiệm vụ quét đường, có bật đèn báo hiệu theo quy định, dẫn đến tai nạn, làm chết anh Nhật A và ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm các phương tiện, kết luận giám định pháp y, lời khai những người làm chứng, hình ảnh ca-me-ra về hoạt động giao thông trên cao tốc, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 21/7/2023, tại Km 34 + 700 đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Vũ Trung T điều khiển xe ô tô khách loại 10 chỗ BKS 14F – 005.55 hướng Hà Nội đi Hải Phòng, do không chú ý không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước và không đảm bảo an toàn khi chuyển làn đường, nên toàn bộ phần bên trái xe ô tô do T điều khiển đâm vào góc phía sau bên phải xe ô tô BKS 29C-865.00 do anh Phạm Văn M điều khiển làm nhiệm vụ làm sạch đường ở phía trước, hậu quả làm ông Nguyễn Hữu T1, anh Trần Nhật A là hành khách trên xe tử vong.

Hành vi của tham gia giao thông nêu trên của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 13 Luật giao thông đường bộ ; Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ;

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi tham gia giao thông vi phạm quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ, là nguyên nhân dẫn đến tai nạn khiến 02 người bị chết. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Về quan điểm của đại diện bị hại (Trần Nhật A) cho rằng, cần truy tố bị cáo theo điểm b và điểm đ Điều 260 của Bộ luật Hình sự, HĐXX thấy rằng, mặc dù kết

quả xét nghiệm phát hiện ma túy trong nước tiểu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B lập ngày 21/7/2023 xác định T dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 206 của Bộ luật tố tụng hình sự thì bắt buộc phải giám định để xác định chất ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định và V Bộ C đã kết luận không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy trong mẫu máu thu của Vũ Trung T. Như vậy, không có căn cứ xác định bị cáo sử dụng ma túy khi tham gia giao thông, nên quan điểm của bị hại nêu trên về việc truy tố bị cáo theo cả điểm b Điều 260 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, mà xác định Viện kiểm sát rút truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, chỉ truy tố bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa phạm tội, vi phạm hành chính.

[4]. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã cùng gia đình bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại (ông T1) và bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Trần Nhật A; người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo trong thời hạn 4 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị hại là ông T1 không yêu cầu bồi thường thêm nên không phải xem xét.

Đối với đại diện gia đình anh Trần Nhật A yêu cầu chủ xe ô tô là anh Nguyễn Văn K phải bồi thường các khoản thiệt hại như sau:

Tiền mai táng phí: 132.700.000 đồng.

Tiền đền bù tổn thất về tinh thần với mức cao nhất (100 tháng lương cơ bản) = 180.000.000 đồng.

Tiền chi phí nuôi dưỡng anh Trần Nhật A trong 22 năm = 528.000.000 đồng

Tổng cộng các khoản phải bồi thường: 840.700.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền đã phúng viếng: 6.000.000 đồng, còn phải bồi thường 834.700.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về người có trách nhiệm bồi thường:

Bị cáo Vũ Trung T lái xe ô tô vi phạm quy định về giao thông đường bộ, gây tai nạn, nên trách nhiệm bồi thường được xác định theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự và được hướng dẫn bởi Điều 2 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, quy định như sau:

“b) Người chiếm hữu mà không phải là chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại nếu đang nắm giữ, chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp tài sản như chủ thể có quyền đối với tài sản tại thời điểm gây thiệt hại.

Ví dụ: A là chủ sở hữu xe ô tô đã giao xe ô tô đó cho B. B lái xe ô tô tham gia giao thông đã gây tai nạn và gây thiệt hại thì cần phân biệt:

- Nếu A thuê B lái xe ô tô và trả tiền công cho B, việc sử dụng xe ô tô là do A quyết định. Trong trường hợp này, A là người chiếm hữu, chi phối đối với xe ô tô. Do đó, A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Mặc dù, Vũ Trung T và chủ xe anh Nguyễn Văn K có hợp đồng lao động, theo đó anh K thuê Vũ Trung T lái xe để phục vụ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh Nguyễn Văn K. Tại mục Nghĩa vụ của Điều 3 của Hợp đồng lao động, có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau:

“Bồi thường vi phạm và vật chất: Trong thời gian làm việc nếu lái xe nào vi phạm các điều khoản của cá nhân như tốc độ, làn đường, vượt đèn đỏ.... Do lái xe chịu”

Tuy nhiên, điều khoản này không thỏa thuận về bồi thường trong trường hợp xảy ra tai nạn, vi phạm pháp luật hình sự. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao được trích dẫn ở trên, thì xác định trách nhiệm bồi thường thuộc về anh Nguyễn Văn K – chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn K.

Về các khoản phải bồi thường:

Người đại diện của bị hại yêu cầu bồi thường 02 khoản gồm chi phí mai táng và tổn hại tinh thần là phù hợp với quy định tại Điều 591 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, xem xét khoản chi phí mai táng mà đại diện bị hại yêu cầu, thì thấy rằng: Đại diện bị hại đã cung cấp được các hợp đồng, hóa đơn chứng minh những chi phí mai táng là có thật. Tuy nhiên, trong các khoản chi phí tang lễ, có các khoản sau đây:

Bàn thờ vong kết hoa đầy đủ: 8.500.000 đồng.

Thuê Thầy pháp (trọn gói Niệm, triệu hồn, tạ mộ...): 9.000.000 đồng.

Thuê xe triệu vong : 3.000.000 đồng.

Phân lễ và cơm ăn (trưa, chiều ngày 22,23/7/2023 – ngày tang lễ): 23.690.000 đồng.

Mộ đá nghĩa trang: 15.900.000 đồng.

Đã ngũ sắc rải mộ: 2.800.000 đồng.

Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì những khoản chi phí trên, tổng là 62.890.000 đồng, không được xem là chi phí hợp lý cho việc mai táng, nên không được chấp nhận.

Đối với những khoản chi cho mai táng còn lại là hợp lý theo phong tục địa phương, được Hội đồng xét xử chấp nhận, tổng là 69.810.000 đồng.

Đối với khoản tiền đền bù tổn thất tinh thần: Anh Trần Nhật A là con trai duy nhất của gia đình, nên để bù đắp tổn thất tinh thần cho bố, mẹ đẻ của anh Trần Nhật A, cần buộc anh Nguyễn Văn K bồi thường khoản tiền là 50 tháng lương cơ sở = $50 \times 1.800.000 = 90.000.000$ đồng.

Đối với khoản tiền chi phí nuôi dưỡng anh Nhật A trong 22 năm: Pháp luật không quy định khoản này là trách nhiệm phải bồi thường, nên HĐXX không chấp nhận.

Tổng các khoản phải bồi thường được chấp nhận: 159.810.000 đồng. Trừ đi số tiền phúng viếng hỏi thăm 6.000.000 đồng, còn phải bồi thường: 153.810.000 đồng.

Số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận: 686.890.000 đồng.

Về yêu cầu kê biên tài sản của đại diện bị hại: Xét thấy không cần thiết, HĐXX không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Không phải xem xét.

Đối với giấy phép lái xe của bị cáo đã hết hạn sử dụng nên tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.690.500 đồng.

Đại diện bị hại có đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Thái B và bà Nguyễn Thị Mai Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 và khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Trung T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vũ Trung T 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ 22/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo hành nghề lái xe trong thời hạn 4 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc anh Nguyễn Văn K (chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn K) phải bồi thường cho ông Trần Thái B và bà Nguyễn Thị Mai Q số tiền 153.810.000 đồng.

Không chấp số tiền yêu cầu bồi thường vượt quá là 686.890.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông B và bà Q cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quản lý giấy phép lái xe số 330124006153 của bị cáo đã hết hạn sử dụng (đến ngày 24/01/2024) trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và anh Nguyễn Văn K phải chịu 7.690.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Thái B và bà Nguyễn Thị Mai Q

Bị cáo, đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án, Bị đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường

- Bị đơn dân sự;
- Lưu HSVA;